

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH B GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HS-ST

Ngày: 15-9- 2021

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân

2. Ông Dương Văn Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B Giang tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2021/HSST ngày 22/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐXXST- HS, ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn V, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm C, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; con ông Hoàng Văn L và bà Lương Thị Tvợ là Đặng Thị Q và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến nay; hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B Giang (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Hữu L, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 28/5/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; con ông Trần Văn T và bà Chung Thị L vợ là Thăng Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015;

tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 18/6/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Chu Văn A, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Ngoen, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 09/12; con ông Chu Văn M và bà Trần Thị N vợ là Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/6/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Bá C, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 08/12; con ông Nguyễn Bá Lạng và bà Nguyễn Thị Gạch vợ là Nguyễn Thị Minh Hải; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 04/4/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. Dương Ngô T, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn V, xã L, huyện T, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 09/12; con ông Dương Ngô D và bà Nguyễn Thị L vợ là Nguyễn Thị B; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

7. Đỗ Văn T, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện V, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 09/12; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Q; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

8. Nguyễn Quang C, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn V, xã L, huyện T, tỉnh B Giang; Quốc tịch: V N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 12/12; con ông Nguyễn Quang H và bà Dương Thị Q vợ là Nguyễn Thị V; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:* Công ty TNHH B

Địa chỉ: Một phần lô đất D, KCN Q, xã Q, huyện V, tỉnh B Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông JIN YONG R- Tổng giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng V P, sinh năm 1984 là quản lý tổng vụ của Công ty (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B Giang

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Dương Thị Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang

3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T Sơn, huyện V, tỉnh B Giang

4. A Nguyễn Hữu D, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B Giang

5. A Trần Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh B Giang

6. A Chu Văn M, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh B Giang

7. Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh B Giang

8. Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: xóm C, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

** Người làm chứng:*

1. A Nông Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Hoàng Ngọc L sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh B Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Hoàng Văn V, Nguyễn Hữu L, Trần Văn B, Chu Văn A, Nguyễn Bá C, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C đều là công nhân làm tại Công ty TNHH B N thuộc khu công nghiệp Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Trong đó Trần Văn B, Nguyễn Bá C, Đỗ Văn T, Hoàng Văn V đều làm tại bộ phận đúc, nghiền L; Chu Văn A, Dương Ngô T, Nguyễn Hữu C đều là lái xe ô tô; Nguyễn Hữu L là phụ xe ô tô.

Trong quá trình làm việc tại Công ty, Trần Văn B thấy các sản phẩm nhựa tái chế nhiều để ở kho quản lý sơ hở, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp đem ra ngoài bán. Đến khoảng cuối tháng 2 năm 2021, B rủ V, C, Văn A, L, T còn L và Văn A rủ T, T,

C tham gia trộm cắp nhựa của Công ty. B đã lấy 03 túi ni lon nhựa trong đó 01 màu đen, 01 màu trắng, 01 màu xA đưa cho Văn A để cầm đi hỏi giá; Văn A cầm mẫu hỏi giá ở quán phở L tại khu vực C Đình Trám, huyện V thì biết giá nhựa là 10.000 đồng/1kg. Các bị cáo thỏa thuận Bắc, Cầu, T, Việt là người trực tiếp làm tại các bộ phận nghiền liệu, thường xuyên làm việc trong kho để nhựa tái chế, sẽ trộm cắp các bao tải chứa nhựa tái chế từ kho để ra khu vực cầu công (khu vực xuất, nhập hàng của Công ty) để nhóm lái xe trong đó có Tiến, Cường, Văn A và Lộc sẽ sử dụng 2 xe ô tô của Công ty có biển số 99LD-023.57, 98LD- 005.83 chở ra ngoài mang đi bán lấy tiền chia nhau. Khi bán xong thì sẽ ăn chia theo tỷ lệ 50/50, bộ phận nghiền được một nửa và bộ phận lái xe, phụ xe một nửa. Sau khi nhận tiền thì tùy theo số lượng người bộ phận lái xe và bộ phận nghiền sẽ chia tiền cho nhau. Đa số là sẽ chia đều cho nhau, nếu còn thừa sẽ mua nước uống chung. Từ ngày 28/02/2021 đến ngày 25/3/2021, các bị cáo đã thực hiện 14 hành vi chiếm đoạt tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn Đồ Gia Dụng Blue & Green. Cụ thể như sau:

* **Vụ thứ nhất:** Hồi 12 giờ 15 phút ngày 28/02/2021, L gặp B ở khu vực kho của Công ty, L bảo với B trộm cắp nhựa tái chế màu đen mang bán và được B đồng ý. L dùng xe nâng tay để kéo được 12 bao nhựa tái chế màu đen có trọng lượng là 300 kg ra khu vực C công. Lúc này, T đã đỗ xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD - 023.57 chờ sẵn. L cùng T bốc 12 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô, sau đó T điều khiển xe ô tô chở nhựa cùng với L đến cửa hàng thu mua phở L ở khu vực C vượt Q, huyện V của gia đình A Phan Văn N, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 trú tại: thôn Thu Thủy, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 3.000.000 đồng. Số tiền này chia đều ba người T, L, B mỗi người được 1.000.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu hết. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 3.000.000 đồng.

* **Vụ thứ hai:** Ngày 08/3/2021, V, B, C cùng rủ nhau trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi V, B, C mang được 20 bao nhựa với trọng lượng 500 kg lên palet, thì V một mình dùng xe nâng tay kéo 20 bao trên ra để khu vực C công rồi gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Sau đó, Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 (xe ô tô của Công ty) đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phở L ở khu vực C vượt Đ bán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này, Văn A đưa chia cho V số tiền 2.500.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng, Văn A và L chia nhau mỗi người được 1.250.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền 2.500.000 đồng, V chia cho B số tiền 900.000 đồng, chia cho C 800.000 đồng, còn V được hưởng 800.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 5.000.000 đồng.

* **Vụ thứ ba:** Ngày 11/3/2021, V, B, C cùng nhau trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi V, B, C mang được 20 bao nhựa với trọng lượng 500 kg lên palet, thì V một mình dùng xe nâng tay kéo 20 bao nhựa trên ra để khu vực C công rồi gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải

biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này, Văn A đưa cho V số tiền 2.500.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng Văn A và L chia đôi mỗi người được 1.250.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, V chia cho B số tiền 800.000 đồng, chia cho C số tiền 800.000 đồng, còn V được hưởng số tiền 900.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 5.000.000 đồng.

* **Vụ thứ bốn:** Ngày 12/3/2021, V, B, C cùng nhau trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng 17 giờ 40 cùng ngày, sau khi V, B, C mang được 20 bao nhựa với trọng lượng 500 kg lên palet, thì V và C dùng xe nâng tay kéo 20 bao nhựa trên ra để khu vực C công rồi V gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD - 023.57 đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này, Văn A đưa cho V số tiền 2.500.000 đồng còn số tiền 2.500.000 đồng Văn A và L chia nhau mỗi người được 1.250.000 đồng. Sau khi nhận được tiền V chia cho V, C, B mỗi người được số tiền 800.000 đồng, còn lại số tiền 100.000 đồng mua nước uống chung. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 5.000.000 đồng.

* **Vụ thứ năm:** Ngày 14/3/2021, V, C cùng nhau thực hiện trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, sau khi V, C mang được 15 bao nhựa tái chế màu đen với khối lượng 375 kg lên palet, thì V, C dùng xe nâng tay kéo 15 bao nhựa trên ra để khu vực C công rồi V gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 15 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô tải rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 3.750.000 đồng. Số tiền này, Văn A chia cho V số tiền 1.850.000 đồng, còn lại số tiền 1.900.000 đồng, Văn A và L chia mỗi người được 950.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, V chia cho C số tiền 900.000 đồng, còn V được hưởng số tiền 950.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 3.750.000 đồng.

* **Vụ thứ sáu:** Khoảng gần 12 giờ cùng ngày 14/3/2021, V, C tiếp tục trộm cắp 15 bao nhựa tái chế màu đen, trọng lượng 375 kg để lên palet, sau đó V, C dùng xe nâng tay kéo 15 bao nhựa trên ra để khu vực C công rồi V gọi điện thông báo cho T biết. T lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 vào C công bốc 15 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Q của gia đình A Phan Văn N sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị A sinh năm 1991, đều trú tại: thôn Thu Thủy, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 3.750.000 đồng. Số tiền này, T chia cho V số tiền 2.400.000 đồng, còn số tiền 1.350.000 đồng T giữ chi tiêu cá nhân. Sau khi nhận được tiền V chia cho C số tiền 1.200.000 đồng còn V giữ lại số tiền 1.200.000 đồng chi tiêu cá nhân. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 3.750.000 đồng.

* **Vụ thứ bảy:** Ngày 18/3/2021, V, B, C cùng nhau trộm cắp nhựa màu đen. Khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, sau khi V, B, C mang được 15 bao nhựa với trọng lượng 375 kg để lên palet thì B, C dùng xe nâng tay kéo 15 bao nhựa trên ra để khu vực C công rồi V gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 15 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 3.750.000 đồng. Số tiền này, Văn A chia cho V 1.900.000 đồng, còn số tiền 1.850.000 đồng, Văn A chia cho L số tiền 900.000 đồng, Văn A được 950.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, V chia cho C số tiền 900.000 đồng, còn số tiền 1.000.000 đồng, V và B chia nhau mỗi người được 500.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 3.750.000 đồng.

* **Vụ thứ tám:** Ngày 19/3/2021, V, B, C cùng nhau trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, sau khi V, B, C mang được 20 bao nhựa với trọng lượng 500 kg để lên palet thì V, C dùng xe nâng tay kéo 20 bao nhựa trên ra để khu vực C công, rồi V gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này, Văn A chia cho V 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 2.500.000 đồng Văn A và L chia đôi mỗi người được 1.250.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, V chia đều cho V, C, B mỗi người được 800.000 đồng, còn lại số tiền 100.000 đồng mua nước uống chung. Tổng số tài sản trộm cắp có giá trị là 5.000.000 đồng.

* **Vụ thứ chín:** Ngày 20/3/2021, V, B, C cùng nhau trộm cắp nhựa tái chế màu đen. Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 20/3/2021, sau khi V, B, C mang được 20 bao nhựa với trọng lượng 625 kg để lên palet thì V dùng xe nâng tay kéo 25 bao nhựa tái chế màu đen trên ra để khu vực C công, rồi V gọi điện thông báo cho Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD - 023.57 đến bốc 20 bao nhựa lên xe rồi chở đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền này, Văn A chia cho V số tiền 3.100.000 đồng, còn số tiền 3.150.000 đồng Văn A và L chia nhau mỗi người được 1.500.000 đồng, còn 150.000 đồng mua nước uống chung. Sau khi nhận được tiền, V chia cho C, V, B mỗi người được hưởng số tiền 1.000.000 đồng, còn lại 100.000 đồng mua nước uống chung. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 6.250.000 đồng.

* **Vụ thứ 10:** Khoảng gần 18 giờ ngày 20/3/2021, V cùng B trộm cắp 20 bao nhựa tái chế màu đen, có trọng lượng 500 kg, sau đó V, B dùng xe nâng tay kéo ra để ở khu vực C công rồi V gọi điện thông báo cho Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế màu đen lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đán với giá 10.000 đồng/1 kg được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này, Văn A đưa cho V số tiền 2.500.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng Văn A và L chia nhau mỗi người được số tiền

1.250.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, V và B chia nhau mỗi người được số tiền 1.250.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 5.000.000 đồng.

* **Vụ thứ 11:** Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày 22/3/2021, B, T cùng nhau trộm cắp 20 bao nhựa tái chế (trong đó có: 10 bao là nhựa màu đen, có trọng lượng 250 kg; 10 bao là nhựa hỗn hợp, có trọng lượng 250 kg) để lên palet, rồi B, T dùng xe nâng tay kéo 20 bao nhựa tái chế ra để khu vực C công, sau đó B gọi điện thông báo cho T biết. T và C lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 20 bao nhựa tái chế lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Q của gia đình A Phan Văn N sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị A sinh năm 1991, trú tại: thôn Thu Thủy, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bán 10 bao nhựa tái chế màu đen với giá 10.000 đồng/kg được số tiền 2.500.000 đồng và 10 bao là nhựa hỗn hợp với giá 5.000 đồng/kg được số tiền 1.250.000 đồng. Tổng số tiền bán được là 3.750.000 đồng. Số tiền này, T đưa cho T 1.900.000 đồng còn số tiền 1.850.000 đồng T chia cho C số tiền 900.000 đồng, T được hưởng 950.000 đồng. Sau khi nhận được tiền T đưa chia cho B số tiền 1.000.000 đồng, T được hưởng số tiền 900.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 3.750.000 đồng.

* **Vụ thứ 12:** Khoảng 10 giờ ngày 23/3/2021, V trộm cắp 08 bao nhựa tái chế màu trắng, có trọng lượng 200 kg để lên palet rồi dùng xe nâng tay kéo ra để khu vực C công, rồi V gọi điện thông báo cho Chu Văn A biết. Văn A và L lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 08 bao nhựa tái chế lên xe ô tô tải rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Đ bán với giá 12.000 đồng/kg được số tiền là 2.400.000 đồng. Số tiền này, Văn A đưa cho V số tiền 1.200.000 đồng còn số tiền 1.200.000 đồng Văn A và L chia nhau mỗi người được số tiền 600.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 3.000.000 đồng.

* **Vụ thứ 13:** Khoảng 18 giờ ngày 24/3/2021, B cùng T trộm cắp 12 bao nhựa tái chế màu đen, có trọng lượng 300 kg để lên palet, rồi T một mình dùng xe nâng tay ra để khu vực C công, sau đó B gọi điện thông báo cho T biết. T và C lái xe ô tô tải biển kiểm soát 99LD- 023.57 đến C công bốc 12 bao nhựa tái chế lên xe ô tô rồi đem đến cửa hàng thu mua phế L ở khu vực C vượt Q của gia đình A Phan Văn N sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị A sinh năm 1991 trú quán: thôn Thu Thủy, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bán với giá 10.000 đồng/kg được số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền này, T đưa cho B số tiền 1.500.000 đồng còn số tiền 1.500.000 đồng T và C chia nhau mỗi người được số tiền 750.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, B chia cho T số tiền 700.000 đồng, B được hưởng số tiền là 800.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 3.000.000 đồng.

* **Vụ thứ 14:** Khoảng 03 giờ ngày 25/3/2021, V trộm cắp 28 bao nhựa tái chế các loại, có tổng trọng lượng là 674 kg (trong đó có: 592 kg nhựa màu đen; 22 kg nhựa màu xA; 40 kg nhựa màu trắng; 20 kg nhựa phế liệu) để lên palet rồi một mình dùng xe nâng tay kéo ra để khu vực C công. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày 25/3/2021, V gọi điện thông báo cho Văn A biết về việc Việt trộm cắp nhựa tái chế kéo ra khu

vực cầu công để Văn A đến chở đem ra ngoài bán. Khoảng 15 phút sau khi nhận được điện thoại của V thì Văn A điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 98LD- 005.83 cùng với L đến khu vực cầu công mục đích để chở số nhựa trên đi bán lấy tiền chia nhau nhưng khi đến nơi thì thấy cửa C công mở, có người ở đó nên Văn A và L để xe lại và đi ra ngoài thì bị Công ty yêu C quay lại để T hành lập biên bản sự việc, trình báo Công an huyện V. Tổng số tài sản trộm cắp có giá trị là 6.844.000 đồng.

Ngày 24/3/2021, Nguyễn Bá C nhận thấy việc mình có hành vi trộm nhựa tái chế của Công ty ra C công để lái xe đem đi tiêu thụ, lấy tiền chia nhau là vi phạm pháp luật nên đã tự báo cáo sự việc với A Hoàng Ngọc Lý là quản lý sản xuất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đồ Gia Dụng Blue & Green về việc có cùng với Hoàng Văn V, Trần Văn B trộm cắp nhựa tái chế của Công ty. Sau đó thì A Lý đã báo cáo lại sự việc với lãnh đạo Công ty và được Công ty giao nhiệm vụ theo dõi hành vi trộm cắp nhựa của các đối tượng.

Ngày 25/3/2021, qua kiểm tra giám sát Camera an ninh của Công ty phát hiện ra hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo. Công ty đã T hành lập biên bản sự việc xác định Văn A, L có ý định trộm cắp 28 bao nhựa tái chế các loại tổng trọng lượng là 674 kg, trong đó có 592 kg nhựa màu đen, 22 kg nhựa màu xA, 40 kg nhựa màu trắng, 20 kg nhựa phế liệu. Cùng ngày, Công ty TNHH BV N có đơn trình báo đến Công an huyện Việt Yên đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Cùng ngày 25/3/2021, Trần Văn B, Chu Văn A, Hoàng Văn V, Đỗ Văn T, Dương Ngô T, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Quang C lần lượt ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và đã giao nộp 09 điện thoại các loại, cụ thể: Trần Văn B giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu trắng; Nguyễn Quang C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu XA; Nguyễn Hữu L giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu tím- đen; Chu Văn A giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; Dương Ngô T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; Đỗ Văn T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu Trắng; Hoàng Văn V giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; Nguyễn Bá C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen.

Ngày 28/3/2021, Công ty TNHH BV N thuộc khu công nghiệp Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V 01 đĩa DVD có dữ liệu hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 31/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã kết luận: 1kg nhựa tái chế màu đen có giá trị là 10.000 đồng; 1 kg nhựa tái chế màu trắng có giá trị là 15.000 đồng; 1 kg nhựa tái chế màu xA có giá trị là 12.000 đồng; 1 kg nhựa tái chế màu hỗn hợp có giá trị là 5.000 đồng; 1 kg nhựa phế có giá trị là 3.000 đồng.

Tổng số nhựa mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 6.224 kg (trong đó: 5.692kg nhựa tái chế màu đen; 240kg nhựa tái chế màu trắng; 22kg nhựa tái chế màu xA; 250kg nhựa tái chế hỗn hợp; 20kg nhựa phế) giá trị tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp của Công ty TNHH B là 62.094.000đ.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 118/CT-VKS ngày 22/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn V, Nguyễn Hữu L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn B, Chu Văn A, Nguyễn Bá C, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng. Các bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH BV N trong phạm vi số tiền các bị cáo, người thân của các bị cáo đã nộp. Không chấp nhận yêu cầu C của Công ty TNHH BV N về việc buộc các bị cáo bồi thường số tiền 500.000.000đ.

Người đại diện của Công ty TNHH BV N yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền Công ty TNHH BV N số tiền 500.000.000đ, vì công ty bị mất 29.960kg nhựa tái chế tương ứng với số tiền 500.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên cáo trạng và phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn V, Nguyễn Hữu L, Trần Văn B, Chu Văn A, Nguyễn Bá C, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 28/5/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn A từ 14 đến 17 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/6/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 13 đến 16 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 18/6/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C từ 10 đến 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 04/4/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Ngô T từ 08 đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/6/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu XA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen;

Trả lại bị cáo Đỗ Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng;

Trả lại bị cáo Nguyễn Bá C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen

Trả lại bị cáo Nguyễn Hữu L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu tím đen

Công ty TNHH BV N được nhận số tiền 180.000.000đ theo ủy nhiệm chi số 39 ngày 16/8/2021 của Công an huyện V và 10.000.000đ chị Đặng Thị Q nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2015/0001099 ngày 13/9/2021. Đây là số tiền bị cáo C và gia đình các bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Bá C, Trần Văn B, Chu Văn A, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Hoàng Văn V.

Buộc Công ty TNHH BV N phải chịu án phí đối với phần yêu C bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trA luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại không đồng ý với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về phần bồi thường thiệt hại. Yêu C các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH BV N số tiền 500.000.000đ tương đương 29.960 kg nhựa tái chế.

Đại diện viện kiểm sát đối đáp với đại diện bị hại: Yêu C bồi thường của Công ty TNHH BV N là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài L chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ ngày 28/02/2021 đến ngày 25/3/2021 các bị cáo Hoàng Văn V, Trần Văn B, Chu Văn A, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Bá C, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C đã 14 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là nhựa tái chế các loại, có tổng trọng lượng 6.224 kg (trong đó: 5.692kg nhựa tái chế màu đen; 240kg nhựa tái chế màu trắng; 22kg nhựa tái chế màu xA; 250kg nhựa tái chế hỗn hợp; 20kg nhựa phế), có trị giá 62.094.000 đồng mang đi bán lấy tiền chia nhau, cụ thể:

- Bị cáo Hoàng Văn V đã có 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 4.842 kg nhựa tái chế màu đen; 240 kg nhựa màu trắng; 22 kg nhựa màu xA; 20 kg nhựa phế, có tổng trị giá là 52.344.000 đồng, số tiền V được chia là 9.400.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hữu L đã có 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 4.175 kg nhựa tái chế màu đen; 200 kg nhựa màu trắng, có tổng trị giá là 51.594.000 đồng; số tiền L được chia là 11.200.000 đồng.

- Bị cáo Chu Văn A đã có 10 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 3.875 kg nhựa tái chế màu đen; 200 kg nhựa màu trắng, có tổng trị giá là 48.594.000 đồng; số tiền Văn A được chia là 10.250.000 đồng.

- Bị cáo Trần Văn B đã có 10 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 4350 kg nhựa tái chế màu đen và 250 kg nhựa hỗn hợp, có tổng trị giá là 44.750.000 đồng; số tiền B được chia là 8.850.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Bá C đã có 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 3.750 kg nhựa tái chế màu đen, có tổng trị giá là 37.500.000 đồng; số tiền C được chia là 7.200.000 đồng.

- Bị cáo Dương Ngô T đã có 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 1.225 kg nhựa tái chế màu đen; 250 kg nhựa hỗn hợp, có tổng trị giá là 13.500.000 đồng; số tiền T được chia là 4.050.000 đồng.

- Bị cáo Đỗ Văn T đã có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 550 kg nhựa tái chế màu đen; 250 kg nhựa hỗn hợp, có tổng trị giá là 6.750.000 đồng; số tiền T được chia là 1.600.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quang C đã có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng trọng lượng là 550 kg nhựa tái chế màu đen; 250 kg nhựa hỗn hợp, có tổng trị giá là 6.750.000 đồng; số tiền Cường được chia là 1.650.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn V, Nguyễn Hữu L đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Trần Văn B, Chu Văn A, Nguyễn Bá C, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức mà còn gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư trên địa bàn. Cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo B không phải người tham gia thực hiện nhiều hành vi nhất, giá trị tài sản chiếm đoạt không cao nhất nhưng là người đề xuất việc phạm tội, rủ các bị cáo khác phạm tội chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao nhất. Tiếp đến là bị cáo V cùng bị cáo L tham gia thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhất, chiếm đoạt tài sản có giá trị cao nhất. Xếp vị trí thứ 3 là bị cáo Văn A tham gia tích cực và có số lần cũng như giá trị tài sản chiếm đoạt cao thứ 3 trong vụ án.

Xếp vai trò thứ 4 là bị cáo C, thứ 5 là bị cáo T, xếp vai trò thứ 6 là bị cáo T và bị cáo C.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều có 02 hành vi chiếm đoạt tài sản trở lên và mỗi hành vi đều cấu thành tội phạm độc lập nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoàng Văn V, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Bá C, Trần Văn B, Chu Văn A, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Bá C tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại, các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trần Văn B, Chu Văn A, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp tiền để bồi thường thường, khắc phục hậu quả trong giai đoạn điều tra; Nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngày 13/9/2021, vợ bị cáo Hoàng Văn V là chị Đặng Thị Q đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V để khắc phục hậu quả thay bị cáo V, bị cáo V hoàn toàn không biết việc này. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo V.

Sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú; riêng bị cáo Nguyễn Bá C đã tự khai báo với Công ty về hành vi phạm tội trước khi bị phát hiện. Các bị cáo đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51; bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Chu Văn A có bố là Chu Văn Minh là thương binh hạng 4/4. Đỗ Văn T có thành tích trong phòng chống tội phạm được Chủ tịch UBND huyện V tặng giấy khen được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng hình phạt tù buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù ngay như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: ông Hoàng V Phương là đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH BV N yêu C các bị cáo bồi thường tổng số tiền 500.000.000 đồng

(bao gồm: toàn bộ các tài sản nhựa tái chế đã bị trộm cắp từ trước đến ngày 25/3/2021 là 29.960kg, thời gian mất trộm không xác định được). Tuy nhiên quá trình điều tra đã xác định các bị cáo đã 14 lần trộm cắp tổng tài sản có trọng lượng 5.692kg nhựa tái chế màu đen; 240 kg nhựa tái chế màu trắng; 22kg nhựa tái chế màu xA; 250 kg nhựa tái chế hỗn hợp; 20 kg nhựa phế, có tổng trị giá là 62.094.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường trong phạm vi số tiền đã nộp 190.000.000đ. Việc các bị cáo bồi thường vượt quá thiệt hại gây nên là tự nguyện cần được chấp nhận. Do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu C của bị hại. Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH BV N số tiền 190.000.000đ. Được khấu trừ trong số tiền mà bị cáo C và người thân của các bị cáo còn lại đã nộp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (những người đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả) không yêu C các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã nộp, không xin được trả lại số tiền đã nộp vượt quá thiệt hại mà các bị cáo gây ra.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu XA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen đều là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng thu của bị cáo Đỗ Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen thu của bị cáo Nguyễn Bá C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu tím đen thu của bị cáo Nguyễn Hữu L không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo.

Công ty TNHH BV N được nhận số tiền 190.000.000đ bị cáo và gia đình các bị cáo đã nộp để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tại phiên tòa mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng bị hại vẫn giữ yêu C đòi các bị cáo bồi thường số tiền 500.000.000đ. Do đó bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu C đòi bồi thường không được chấp nhận. Bị cáo Hoàng Văn V thuộc hộ nghèo được miễn án phí.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị A, A Phan Văn N là người thu mua phế L Chị A không biết nguồn gốc số nhựa này do đâu mà có. N bị nhiễm Covid- 19 phải điều trị tại bệnh viện, do nguyên tắc phòng chống bệnh truyền nhiễm nên không thể lấy lời khai và T hành đối chất với A N được. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đối với chị A, A N ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/3/2021.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 28/5/2021.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Văn A 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/6/2021.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn B 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 18/6/2021.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 04/4/2021.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Ngô T 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/6/2021.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH BV N số tiền 190.000.000đ. Được khấu trừ trong số tiền mà bị cáo C

và người thân của các bị cáo còn lại đã nộp. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Công ty TNHH BV N được nhận số tiền 180.000.000đ theo ủy nhiệm chi số 39 ngày 16/8/2021 của Công an huyện V và 10.000.000đ chị Đặng Thị Q nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2015/0001099 ngày 13/9/2021. Đây là số tiền bị cáo C và gia đình các bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu XA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen;

Trả lại bị cáo Đỗ Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng;

Trả lại bị cáo Nguyễn Bá C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen

Trả lại bị cáo Nguyễn Hữu L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu tím đen

Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Bá C, Trần Văn B, Chu Văn A, Dương Ngô T, Đỗ Văn T, Nguyễn Quang C Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho bị cáo Hoàng Văn V.

Công ty TNHH BV N phải chịu 15.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh B Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh B Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND V ;
- CA huyện V;
- THADS V;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thân Văn Hiếu